

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THỊ XÃ G**  
**TỈNH B**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2021

*Về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Phai**  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Thành Nhận**  
Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Trần Thị Đèo** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Mộng Đẹp**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 160/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 09/TB-TA ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lý Thị D**, sinh năm 1993.  
+ Địa chỉ: Khóm 4, phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Bị đơn: Anh **Hữu Minh V**, sinh năm 1990.  
+ Địa chỉ: Khóm 4, phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Lý Thị D trình bày:*

Chị Lý Thị D và anh Hữu Minh V chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã G. Quá trình chung sống bất đồng quan điểm sống, có nhiều mâu thuẫn, tranh cãi, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Vì vậy, chị Lý Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đối với anh Hữu Minh V:

Về hôn nhân yêu cầu ly hôn với anh Hữu Minh V; Về con chung Hữu Thị Ngọc D, sinh ngày 31/8/2015, hiện tại đang sống với chị V, yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Hữu Minh V:*

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh V theo quy định của pháp luật, nhưng anh V vắng mặt nên Tòa án không thể làm việc được với anh V tại Tòa án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Hữu Minh V theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ LTTDS. Từ khi thụ lý đến phiên Tòa hôm nay nguyên đơn chị Lý Thị D đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ LTTDS 2015. Anh V vắng mặt suốt quá trình tố tụng là chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ LTTDS 2015. Tại phiên tòa hôm nay anh V tiếp tục vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V là đúng theo quy định tại khoản 2, Điều 227 và Điều 228 Bộ LTTDS 2015. Đối với chị Lý Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Lý Thị D là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thị D đối với anh Hữu Minh V.

Về con chung: Giao con chung tên Hữu Thị Ngọc D, sinh ngày 31/8/2015 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Hữu Minh V; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Lý Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án có đủ căn cứ nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Hữu Minh V theo quy định của pháp luật, nhưng anh V cố tình vắng mặt nên Tòa án không thể làm việc được với anh V. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy

định của pháp luật đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Hữu Minh V theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với chị Lý Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Lý Thị D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2014, chị Lý Thị D và anh Hữu Minh V tự nguyện sống chung vợ chồng với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G (nay là phường 1, thị xã G), do đó hôn nhân của chị D và anh V là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm với nhau, mặc dù gia đình có hàn gắn nhưng không được, vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không còn tình cảm. Anh V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham dự tại phiên họp và phiên tòa, cho thấy anh V không có thiện chí hàn gắn hôn nhân gia đình với chị D. Quá trình xác minh bà Thạch Thị Dung là mẹ ruột anh V cho biết, vợ chồng chị D, anh V đã không sống chung cách nay đã 1,5 năm nay. Từ đó, cho thấy rằng mâu thuẫn gia đình chị D và anh V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng anh chị không thực hiện được. Do đó, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lý Thị D đối với anh Hữu Minh V.

[2.2] Về con chung: Hữu Thị Ngọc D, sinh ngày 31/8/2015, hiện tại cháu D đang sống chung với chị D, anh V không có thiện chí hàn gắn, không trình bày ý kiến nguyện vọng đối với con chung, quá trình xác minh bà Thạch Thị Dung là mẹ ruột của anh V cho biết, hiện nay con chung cháu D đang sống với chị V, gia đình và anh V có nguyện vọng giao con cho chị D nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Hữu Thị Ngọc D cho chị Lý Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Hữu Minh V.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Lý Thị D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ nêu trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; tiểu mục 1.1, mục 1 phần II danh mục án phí Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lý Thị D đối với bị đơn anh Hữu Minh V. Cho chị Lý Thị D ly hôn với anh Hữu Minh V.

**2. Về quan hệ con chung:** Giao người con chung tên Hữu Thị Ngọc D, sinh ngày 31/8/2015 cho chị Lý Thị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Hữu Minh V. Anh V không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

**3. Về quan hệ tài sản và nợ chung:** Không đặt ra xem xét.

**4. Về án phí:** Chị Lý Thị D phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị D đã dự nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003619 ngày 14/6/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G sẽ được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết thời hạn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh B;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Đường sự;
- UBND xã phường 1;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Văn Phai**

